

CON GÁI VN DƯỚI THỜI CỘNG SẢN

Trong cuốn *Một Mảnh Tình Riêng*, do nhà Văn Nghệ (VN) xuất bản năm 2000, Sơn Nam tâm sự: “Mẹ tôi đi làm dâu nơi xa nhà hàng năm mươi cây số đường giao thông hồi đầu thế kỷ khó khăn, vượt rừng qua hai con sông đầy sóng gió... Lâu năm lắm mẹ tôi với về quê thăm xứ một lần, tình trạng này tôi thử hư câu, qua truyện ngắn ‘Gả Thiếp Về Rừng’... Qua sông Cái Bé thì dễ, nhưng gian nan nhất là qua sông Cái Lớn.”



11/12/1926 – 13/08/2008. Tượng giồng sâu tui nói sọt dây dài/ Ai ngờ giồng cạ, tui tiếc hoài sọt dây. (Câu hò miền Nam, VN)

Muốn biết chuyện làm dâu nơi xa, hồi đầu thế kỷ trước, gian nan và khó khăn ra sao, xin đọc vài đoạn (chính) trong truyện ngắn này:

“Câu chuyện xảy ra tại rạch Bình Thủy, làng Long Tuyền, tỉnh Cần Thơ, dâu cũng vào khoảng năm 1939... tháng chạp năm dĩ, nhà ông Cả treo bông kết tuổi để gả con, giữa tiếng dị nghị của bao chàng trai tơ ở rạch Bình Thủy.

Cô Út về làm dâu đất Cạnh Đèn.

Hai năm qua.

Ba năm qua...

Chuyến đầu, đôi vợ chồng về thăm ông Cả bà Cả, đèo theo một đứa con gái nhỏ... số sửa dễ thương.

Chuyến sau họ về, lại thêm một đứa gái và một đứa thứ ba nữa đang nằm trong bụng mẹ.

Hai ông bà quá đôi vui mừng.

Nhưng liên tiếp mấy năm sau họ bất tin, ngày Tết ngày giỗ cũng chẳng về. Lo ngại quá!
Có chuyện gì xảy ra bất lành không?

Hai ông bà muốn xuống Cạnh Đèn thăm con nhưng ngại mình già sức yếu, đường xa xôi, phải vượt qua sông Cái Lớn. Nằm đêm, lắm khi bà khóc lóc mà trách ông:

– Tôi nói muỗi rừng ăn thịt hai đứa nó rồi. Xứ gì mà muỗi kêu như sáo thổi. Không đau bệnh rét thì cũng chới nước lớn bụng mà chết... Hôi đó ông cãi tôi, nhớ không?

Ông Cả vô cùng buồn bực. Nhứt là khi nghe con nít chòm xóm hát đũa em:

Má ơi đừng gả con xa,
Chim kêu vượn hú, biết nhà má đâu?

...

Suốt tháng ngày, ông chống gậy đi quanh quẩn bên gốc tre già ở mé sông, mắt mìn mỏi nhìn bóng dáng các ghe thương hồ qua lại.

Trời đất nào phụ kẻ có lòng như ông!

Mãi đến buổi trưa đó, có chiếc ghe chèo chậm chậm ngang bến. Chông trước mũi hỏi vợ sau lái:

– Phải chỗ cây mù u này không? Cậu Quỳnh nói nhà bên vợ ở đâu đây.

Chị vợ đáp:

– Không chừng... Đúng quá, cách ngã ba, qua hai cây cầu khi, nhà ngói có vườn quít.

Anh chông ngó tới ngó lui, cãi lại:

– Mình mới qua một cây cầu. Chèo tới trước chỗ cây cầu khi, đằng kia kia, họa may...

Ông Cả cố gom tất cả sức già, la lớn:

– Ở đây nè, bà con ơi! Nhà vợ thằng Quỳnh ở đây nè...

Ghe đậu lại. Hai vợ chồng họ được mời lên ăn cơm với thịt gà tại bộ ván gỗ giữa nhà ông Hương cả. Trong đời, họ chưa bao giờ được hân hạnh lớn như vậy! Ông Cả, bà Cả, người lối xóm xóm lại hỏi nhiều câu quá. Họ bối rối, trả lời vắn tắt:

– Dạ, vợ chồng cậu Quỳnh mạnh khỏe. Nhờ trời sanh được sáu đứa con. Bốn đứa sau đều là con trai.

Bà Cả mừng quýnh:

– Úy! Bộ con Út đẻ năm một sao? Con nhỏ đó thiệt giỏi!

Khách trả lời:

– Dạ, đẻ năm một. Đứa ăn thô nôi, đứa lôi đầy tháng. Mẹ tròn con vuông. Hồi tôi đi đây, cô Út gần năm chỗ một lần nữa. Thưa ông bà, miệt dưới ai cũng vậy. Như vợ chồng cháu đây có tám đứa con.

– Sao vậy cà? Sao vậy cà? Ở dưới cỡ này ra sao mà thiên hạ ‘đẻ nhiều quá vậy?’

Khách ngượng nghịu, chập sau mới nói:

– Dạ ở miệt dưới muỗi dữ lắm. Chạng vạng là cả nhà, vợ chồng con cái rút vô mùng... nói chuyện. Ít ai đi đâu.

Ai nãy phá lên cười to. Đến lúc bấy giờ, ông Cả bà Cả mới hiểu thêm một sự bí mật quan trọng của tiếng ‘muỗi kêu như sáo thổi’ ở Cảnh Đền. Nó làm hại sức khỏe con người. Nhưng nó gần bó mối tình chồng vợ hơn ở xứ không có muỗi.

Để đánh trống lảng, ông nói:

– Ủ! Phải vậy mới được. Xứ mình cần có dân đông để tạo lập thêm ruộng vườn, khai phá đất hoang.

Bà Cả nóng ruột:

– Anh chị đây có nghe vợ chồng nó nhắn chùng nào đem mấy đứa cháu ngoại của tôi về cho biết mặt?

Khách trả lời:

– Dạ không nghe. Con cái lũ khữ cả bây, chắc vợ chồng cậu Quỳnh khó đi xa. Năm rồi mùa màng thất bát, ai cũng lo tay làm hàm nhai để nuôi con. Sông Cái Lớn mấy năm nay lại thêm sóng gió bất thường.

Bà thở dài, nói như rên siết:

– Nhớ mấy đứa nhỏ quá. Ông ơi! Hồi đó ông cãi tôi...

Ông Cả im lặng, nghĩ đến cái ngày gần đất xa trời của mình. Nó không còn bao xa nữa. Ngày đó, ai phi giá triệu, ai rinh quan tài? Nhìn bụi tre già dưới bến mà ông tủi thân: Mãng non mọc kè bên gốc. Phận ông có khác; con gái, con rể và đám cháu ngoại ở chốn xa xôi kia làm sao được gần gũi để ông thấy mặt lần đầu – và cũng là lần chót – khi ông tàn hơi. Nước mắt muốn tươm ra, ông cố dằn lại. Ông hiểu đời ông chưa tới mức đen tối, còn chút ánh sáng lập lòe trong tương lai vô biên vô tận:

– Ở... ở dưới nó có lập vườn chưa? Lát nữa, anh chị chịu khó chờ về giùm cho vợ chồng con Út một gốc tre Mạnh Tông để làm giống. Chừng thấy măng non cận gốc già, mấy đứa cháu của tôi luôn luôn nhớ ông ngoại bà ngoại nó trên Bình Thủy.

Phật Trời thiêng liêng xin phù hộ chúng giám! Từ bao nhiêu thế kỷ rồi, trên đất nước mình luống chịu cảnh sinh ly như ông Cả, như cô Út. Để cho nước mạnh dân còn.” (*)

Truyện “Gả Thiếp Về Rừng” lấy bối cảnh rạch Bình Thủy, làng Long Tuyền, tỉnh Cần Thơ, vào khoảng năm 1939–40, khi tôi chưa ra đời. Ba mươi năm sau, lúc tôi đủ lớn để đọc và yêu thích Sơn Nam thì ghe thuyền gắn máy (đuôi tôm) đã chạy ngang dọc tá lả khắp sông rạch miền Nam.

Thế hệ của chúng tôi khó mà hiểu được nỗi “gian truân” của một người con gái lấy chồng xa nhà (cờ)... năm mươi cây số! Dù vậy, tôi vẫn cứ mến thương hết sức cái tình của Sơn Nam dành cho lớp người tiên phong, đi khai khẩn miền cực Nam của quê hương.

Cùng với Sơn Nam, nhà văn Bình Nguyên Lộc cũng ghi lại nhiều tình cảm sâu đậm của mình đối với những lưu dân. Trong truyện ngắn “Rừng Mắm” của ông, có đoạn đọc mà muốn ứa nước mắt:

“Bờ biển này mỗi năm được phù sa bồi thêm cho rộng ra hàng mấy ngàn thước. Phù sa là đất bùn mềm lún và không bao giờ thành đất thịt được để ta hưởng nếu không có rừng mắm mọc trên đó cho chắc đất. Một khi kia cây mắm sẽ ngã rạp. Giống trầm lại nổi ngòi mắm. Rồi sau mấy đời trầm, đất sẽ thuận, cây ăn trái mới mọc được.

Thấy thằng cháu nội ngờ ngạc chưa hiểu, ông cụ vịn vai nó mà tiếp:

Ông vịn lại tía của con là cây mắm, chân giẫm trong bùn. Đời con là trầm, chân vẫn còn lấm bùn chút ít, nhưng đất đã gần thuận rồi. Con cháu của con sẽ là xôi, mít, dứa, cau.

Đời cây mắm tuy vô ích, nhưng không uổng, như là lính ngòi mặt trận vậy mà. Họ ngã gục cho kẻ khác là con cháu của họ hưởng”.

Đã bao nhiêu đời trầm, bao nhiêu đời mắ mắ ngã rạp, bao nhiêu thế hệ phải chịu cảnh sinh ly như ông Cả, như cô Út... nhưng quê hương mỗi lúc một lụn bại hơn, chứ không giàu mạnh thêm – như kỳ vọng của Sơn Nam hay Bình Nguyên Lộc. Và vì nghèo đói, cảnh chia ly xảy ra mỗi ngày một nhiều.

“Hiện nay, ở Nam Hàn, trên bất kỳ nhật báo nào cũng dễ dàng tìm thấy những lời quảng cáo: ‘Người già, người muốn tái hôn, người khuyết tật đều có thể kết hôn với những trinh nữ xinh đẹp ở Việt Nam...’ Thậm chí những quảng cáo này còn liệt kê ưu điểm của con gái VN như ‘xuất giá tòng phu’, ‘tôn trọng người già, thờ cúng tổ tiên đến bốn đời’, ‘dáng người đẹp nhất thế giới’, ‘giữ gìn trinh tiết và chung thủy với chồng’” (Bán tuần báo Việt Luận, số 2063, phát hành từ Sydney ngày 28/04/2006).

Chuyện “*lấy chồng xa*” của phụ nữ VN đã trở thành kỹ nghệ, ở mức “*đại trà*” – theo như tin của nguyệt san Khởi Hành, số 134, phát hành từ California, tháng 4 năm 2006:

“Cảnh sát Cam Bốt mới khám phá một tổ chức bán các bé gái Việt Nam tại một khu phố ở Nam Vang. Các em cho biết đã được chở từ quê nhà vùng nông thôn miền Nam qua biên giới trong những thùng sắt dùng trở hàng xuất cảng.

Những chuyện tủi nhục xót xa như thế đã xảy ra (thường xuyên) từ mấy thập niên qua. Trong thời gian này, Sơn Nam vẫn cầm cùi cầm bút và vẫn in ấn đều đều. Tác phẩm mới nhất của nhà văn, có tên là Bình An, tập cuối trong bộ hồi ký của ông, và được giới thiệu là ‘cuốn sách đề cập đến những biến đổi lớn lao của Sài Gòn kể từ ngày giải phóng miền Nam 30/04/75 đến nay’”.

Dù không phải là thầy bói, tôi vẫn biết chắc rằng, trong cả bốn tập hồi ký của Sơn Nam sẽ không có một dòng chữ nào – nửa dòng cũng không – viết về những em bé Việt Nam bị “gả” đi xa, “*trong những thùng sắt dùng chở đồ xuất cảng*” như thế.

Tập Hương Rừng Cà Mau, trong đó có truyện “*Gả Thiếp Về Rừng*”, được mở đầu bằng một bài thơ của (chính) Sơn Nam, có đoạn như sau:

*Trong khói sông mênh mông,
Có bóng người vô danh
Từ bên này sông Tiền
Qua bên kia sông Hậu
Mang theo chiếc độc huyền
Điệu thơ Lục Vân Tiên
Kiến nghĩa bất vi vô đồng giả.*

Cái gì đã giết chết tinh thần “*kiến nghĩa bất vi vô đồng giả*” nơi Sơn Nam như thế? Ông đâu có chức quyền gì như Huy Cận hay Tố Hữu để mà sợ mất? Ông đâu có đung chuyện với “*cách mạng*”, vào thời “*Nhân Văn Giai Phẩm*” mà hoảng hốt đến độ bị bắt ăn bánh vẽ

nhưng vẫn phải làm bộ khen ngon – như Chế Lan Viên? Ở tuổi 80, Sơn Nam còn ngại gì nữa mà không (dám) nói lên đôi lời phải/quấy với bọn giặc cướp – đang tụ họp ở làng Ba Đình, Hà Nội – trước khi nhắm mắt?

Trong một chế độ “không cho phép ai được có một thái độ thứ ba” thì sự im lặng của Sơn Nam cũng chỉ là chuyện... bình thường thôi sao? Thời phải thế, thế thời phải thế chăng? Cả đồng tu sĩ, nhân sĩ, văn sĩ, thi sĩ, nhạc sĩ, bác sĩ – ở trong nước cũng như hải ngoại – đều giữ thái độ tương tự, trước việc phụ nữ VN bị gả bán như nô lệ, chứ đâu có riêng chi nhà văn Sơn Nam. Với thời gian – rồi ra – cả dân tộc Việt sẽ quen dần hết với mọi chuyện xấu xa tởm tợ, và có thể chấp nhận tất cả những tội ác một cách thần nhiên thôi.

Nghĩ cho cùng, có lẽ, đây chỉ là chuyện nhỏ và là chuyện (riêng) của cá nhân tôi với Sơn Nam. Chỉ vì lúc thiếu thời tôi yêu thích, quý mến ông ấy quá nên mới đặt thành vấn đề và cứ bần khoản mãi.

Cho đến sáng nay, qua Tuổi Trẻ Online, tôi tình cờ tìm ra được lý do khiến cho Sơn Nam đã bỏ rơi cái quan niệm sống “lộ kiến bất bình vung đao bạt tụy” – của Lục Vân Tiên – trong con người Nam Bộ của ông.

“Ngày 7-3, tổng công ty du lịch Sài Gòn khánh thành tượng chân dung nhà văn Sơn Nam tại làng du lịch Bình Quới 1 (Thanh Đa), để ghi nhận đóng góp của ông đối với nền văn hóa phương Nam”.

Úy trời đất, quý thần, thiên địa (mèng đéc) ơi, như vậy là Sơn Nam đã bị hóa đá rồi – chớ còn khi gì nữa! Hèn gì, ông không còn nghe được tiếng dân kêu ai oán ở rừng U Minh Hạ. Ông cũng không còn bận lòng gì nữa về số phận gian truân của những người đồng hương đi lấy chồng xa – dù là xa nhà đến năm ngàn (hoặc hơn) chứ không phải chỉ là năm mươi cây số – và sang sông (tập thể) bằng tàu chở hàng, trong thùng container, thay vì bằng một chuyến đò ngang hay đò dọc.

Khi bàn về số phận của một số những người cầm bút ở miền Nam – bị cấm viết sau tháng 4 năm 1975 – nhà văn Võ Phiến gọi họ là những “tài năng bị chôn sống”. Sơn Nam (của tôi) dù được cho phép tiếp tục cầm bút, vẫn bị chôn sống như thường – bằng một hình thức khác, nhẹ nhàng hơn, vậy thôi. Thôi, vĩnh biệt Sơn Nam!

Tưởng Năng Tiến – 2006 (danchimviet.info)
Vũ Thất



*Nguồn: Internet eMail by **Nhất Hùng** chuyển*

*Đăng ngày Thứ Năm, August 4, 2022
Ban Kỹ Thuật Khóa 10A-72/SQTB/ĐĐ, ĐĐ11/TĐ1ND, QLVNCH*